

Số: **388** /QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Cục Công nghệ thông tin, thống kê và Kiểm định hàng dự trữ thuộc
Tổng cục Dự trữ Nhà nước**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 36/2019/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Dự trữ Nhà nước thuộc Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước; Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Cục Công nghệ thông tin, thống kê và Kiểm định hàng dự trữ là đơn vị thuộc Tổng cục Dự trữ Nhà nước, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước quản lý và tổ chức thực hiện công tác ứng dụng công nghệ thông tin, công tác thống kê nhà nước về dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật; kiểm định, thử nghiệm chất lượng hàng dự trữ quốc gia; kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị, triển khai thử nghiệm công nghệ, dịch vụ kỹ thuật phục vụ công tác bảo quản, nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia.

2. Cục Công nghệ thông tin, thống kê và Kiểm định hàng dự trữ có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Xây dựng và trình các cấp có thẩm quyền quyết định:

a) Chương trình, đề án, kế hoạch dài hạn, kế hoạch 5 năm và hàng năm về phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin và thống kê của Tổng cục Dự trữ Nhà nước;

b) Các dự án công nghệ thông tin; kế hoạch thuê dịch vụ; chủ trương đầu tư các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin; mua sắm tài sản công nghệ thông tin; đề cương dự toán chi tiết ứng dụng công nghệ thông tin theo phân cấp, quy định, hướng dẫn của Bộ Tài chính;

c) Văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn về thống kê dự trữ quốc gia; văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn về hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, an toàn, an ninh thông tin, quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin của Tổng cục Dự trữ Nhà nước.

2. Tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, dự án, đề án sau khi được phê duyệt. Thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư dự án công nghệ thông tin, chủ trì thuê dịch vụ công nghệ thông tin và nhiệm vụ thẩm định đầu tư công nghệ thông tin theo phân cấp, quy định, hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Xây dựng, quản lý, vận hành phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin thống kê phục vụ cho yêu cầu quản lý hoạt động dự trữ quốc gia. Tổ chức, xây dựng, quản lý và vận hành trung tâm dữ liệu và hệ thống thông tin dự phòng thảm họa của Tổng cục Dự trữ Nhà nước theo quy định chung của ngành Tài chính.

4. Xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống mạng, truyền thông và triển khai cơ chế, giải pháp kỹ thuật về an ninh mạng, kết nối mạng Tổng cục Dự trữ Nhà nước với các ngành có liên quan theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra và hỗ trợ giải đáp vướng mắc cho các đơn vị và đối tượng sử dụng hệ thống công nghệ thông tin và thống kê nhà nước về dự trữ quốc gia trong triển khai nhiệm vụ của Tổng cục Dự trữ Nhà nước.

6. Xây dựng, quản lý và đảm bảo kỹ thuật để duy trì hoạt động của Cổng thông tin điện tử dự trữ nhà nước theo quy định của pháp luật. Tổ chức các hoạt động thông tin truyền thông và các hoạt động thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành dự trữ nhà nước.

7. Tổ chức thực hiện thống kê nhà nước về dự trữ quốc gia; phân tích, dự báo phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành theo phân công của Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước; chủ trì công tác công bố số liệu, cung cấp thông tin thống kê dự trữ quốc gia của Tổng cục Dự trữ Nhà nước; thực hiện biên soạn niên giám, ấn phẩm thống kê dự trữ quốc gia theo quy định của Nhà nước và của Bộ Tài chính.

8. Triển khai, thử nghiệm công nghệ, dịch vụ kỹ thuật phục vụ công tác nhập, xuất, bảo quản hàng dự trữ quốc gia. Kiểm định, thử nghiệm chất lượng hàng dự trữ quốc gia phục vụ yêu cầu quản lý của Tổng cục Dự trữ Nhà nước

hoặc yêu cầu của các tổ chức, cá nhân. Kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị phục vụ công tác nhập, xuất, bảo quản hàng dự trữ quốc gia hoặc yêu cầu của các tổ chức, cá nhân.

9. Đánh giá, tổng kết kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao và thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

10. Quản lý công chức, viên chức, tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân cấp của Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước.

11. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước giao.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Cục Công nghệ thông tin, thống kê và Kiểm định hàng dự trữ gồm:

1. Phòng Tổng hợp và Thống kê dự trữ;
2. Phòng Quản lý kỹ thuật hệ thống;
3. Phòng Quản lý cơ sở dữ liệu;
4. Trung tâm Kiểm định hàng dự trữ.

Trung tâm Kiểm định hàng dự trữ là đơn vị sự nghiệp (tương đương cấp phòng) có tư cách pháp nhân, con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng Thương mại theo quy định của pháp luật.

Nhiệm vụ cụ thể của các phòng, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Kiểm định hàng dự trữ do Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước quy định.

Điều 4. Lãnh đạo Cục

Cục Công nghệ thông tin, thống kê và Kiểm định hàng dự trữ thuộc Tổng cục Dự trữ Nhà nước có Cục trưởng và một số Phó Cục trưởng.

Cục trưởng chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước về toàn bộ hoạt động của Cục. Phó Cục trưởng chịu trách nhiệm trước pháp luật và Cục trưởng về nhiệm vụ được phân công phụ trách.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Cục trưởng, các Phó Cục trưởng và các chức danh lãnh đạo khác thuộc Cục Công nghệ thông tin, thống kê và Kiểm định hàng dự trữ thực hiện theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ của Bộ Tài chính.

Điều 5. Biên chế và kinh phí

1. Biên chế của Cục công nghệ thông tin, thống kê và Kiểm định hàng dự trữ do Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước quyết định trong tổng số biên chế của Tổng cục Dự trữ Nhà nước.

2. Kinh phí hoạt động của Cục công nghệ thông tin, thống kê và Kiểm định hàng dự trữ được cấp từ nguồn kinh phí của ngân sách nhà nước giao cho Tổng

cục Dự trữ Nhà nước và các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 3115/QĐ-BTC ngày 10 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Công nghệ thông tin thuộc Tổng cục Dự trữ Nhà nước và Quyết định số 3118/QĐ-BTC ngày 10 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Bồi dưỡng nghiệp vụ dự trữ nhà nước trực thuộc Tổng cục Dự trữ Nhà nước.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Chánh Văn phòng Bộ Tài chính, Cục trưởng Cục công nghệ thông tin, thống kê và Kiểm định hàng dự trữ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tổng cục Dự trữ Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận: /

- Lãnh đạo Bộ;
- Như điều 6;
- Cục TH&TKTC (BTC);
- Cổng thông tin điện tử BTC;
- Lưu VT, TCCB (10 b).

BỘ TRƯỞNG



[Signature]

Đinh Tiến Dũng